

Giữ nhịp tăng trưởng bền vững tại Việt Nam: thách thức về năng suất

Viện Nghiên cứu toàn cầu McKinsey (MGI) là tổ chức chuyên nghiên cứu về các vấn đề kinh tế của thế giới. Sứ mệnh của Viện là hỗ trợ các quốc gia giải quyết những vấn đề thách thức mang tính chiến lược của quốc gia, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế.

Kể từ khi thực hiện cải cách mở cửa vào những năm 80 của thế kỷ trước, nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng nhanh chóng và được các nhà đầu tư nước ngoài liên tục xếp hạng là một trong những địa chỉ đầu tư hấp dẫn nhất tại châu Á. Vì vậy, MGI đã quyết định đưa ra đánh giá về những thách thức và cơ hội đối với nền kinh tế Việt Nam trong thập niên tới. Theo MGI, mặc dù đã đạt được những thành tựu to lớn trong suốt 25 năm qua, nhưng nền kinh tế Việt Nam hiện đang phải đối mặt với những thách thức mới, đòi hỏi sự chuyển dịch sang một mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất.

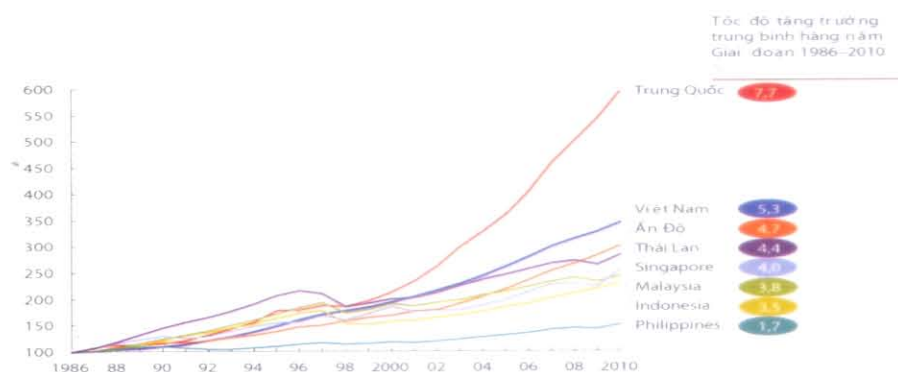
Từ một đất nước bị chiến tranh tàn phá, Việt Nam đã trở thành một trong những câu chuyện thành công về kinh tế tại châu Á trong vòng 25 năm qua. Kể từ khi bắt đầu công cuộc cải cách vẫn được biết đến với tên gọi “Đổi mới” vào năm 1986, kinh tế Việt Nam đã liên tục đạt tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 5,3%/năm, cao hơn so với bất kỳ nền kinh tế châu Á nào khác ngoại trừ Trung Quốc.

Năm 2007, Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới, chính thức tham gia một cách toàn diện vào nền kinh tế toàn cầu sau 12 năm kể từ khi bình thường hoá quan hệ với Hoa Kỳ. Trong giai

đoạn 2005-2010, kể cả những năm tháng khó khăn do suy giảm kinh tế toàn cầu, Việt Nam vẫn đạt tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 7%/năm, duy trì được

sự tăng trưởng liên tục bất chấp những điều kiện kinh tế khắc nghiệt của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu.

Sự tăng trưởng ấn tượng của



Bảng 1: tổng quan tăng trưởng kinh tế giai đoạn 1986-2010
GDP đầu người tính theo PPP, chỉ số hoá 1986 = 100

Nguồn: Dữ liệu kinh tế tổng hợp 2011 do The Conference Board công bố; phân tích của MGI



Các ngành công nghiệp, dịch vụ của Việt Nam chủ yếu tăng trưởng trên diện rộng

Việt Nam trong những năm qua phản ánh sự chuyển dịch đúng hướng từ nông nghiệp sang các ngành công nghiệp và dịch vụ có năng suất cao hơn. Đây cũng là lối đi điển hình của một nền kinh tế đang phát triển. Sự gia tăng của hoạt động đầu tư tư nhân trong nước và các dòng vốn đầu tư mới từ nước ngoài đã tạo đà cho những chuyển biến đáng kể trong các lĩnh vực công nghiệp chế tạo, chế biến và dịch vụ. Theo ước tính, nguồn lao động tương đối rẻ và sự dịch chuyển cơ cấu từ nông nghiệp sang công nghiệp chế tạo - chế biến và dịch vụ đã đóng góp hơn 2/3 mức tăng trưởng GDP của Việt Nam trong giai đoạn 2005-2010, khoảng 1/3 còn lại có được là nhờ việc nâng cao năng suất trong các ngành kinh tế.

Tuy nhiên, sự tăng trưởng của Việt Nam cho đến nay vẫn là tăng trưởng trên diện rộng với một số ngành có lợi thế cạnh tranh đặc thù. Lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ đều chiếm xấp xỉ 40% GDP,

nông nghiệp chỉ đóng góp 20%. Trong 5 năm qua, sản lượng công nghiệp (chế tạo - chế biến, khai khoáng và hạ tầng điện nước) và dịch vụ đã tăng với tốc độ tương đương nhau, đạt khoảng 8%/năm, trong khi đó sản lượng nông nghiệp chỉ tăng 3,3%/năm, một tốc độ tuy vẫn lành mạnh nhưng khiêm tốn hơn nhiều. Ba lĩnh vực tuy rất khác nhau song đều đạt tốc độ tăng trưởng GDP và năng suất cao là: công nghiệp chế tạo - chế biến, bán buôn bán lẻ, nông - lâm - thủy sản. Việc tăng trưởng kinh tế chủ yếu nhờ các ngành kinh tế có khả năng cạnh tranh toàn cầu và dựa vào nhu cầu nội địa ngày một cao đã tạo nền tảng để Việt Nam giữ nhịp tăng trưởng.

Trong giai đoạn 2005-2010, công nghiệp chế tạo - chế biến của Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 9,3%/năm với năng suất lao động tăng 3,1%/năm. Do ngành này đóng góp khoảng 30% GDP nên đã góp phần quan trọng vào sự phát triển

của Việt Nam giai đoạn 2005-2010. Cũng trong khoảng thời gian này, một số ngành trong lĩnh vực công nghiệp chế tạo - chế biến đã hoạt động đặc biệt hiệu quả như sản xuất xe cơ giới (tăng 16%/năm), hàng dệt may (tăng 12,9%/năm) và thiết bị điện (tăng 12,0%/năm).

Các thách thức mà Việt Nam đang phải đối mặt

Giai đoạn 2005-2010, kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng mạnh nhờ sự đóng góp của nhiều ngành với hiệu quả cao ở cả 3 lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ. Nhưng liệu sự kết hợp đầy hứa hẹn giữa các yếu tố này có thể tồn tại mãi hay không? Cũng như nhiều nước đang phát triển khác, trong ngắn hạn, Việt Nam phải đối mặt với môi trường kinh tế toàn cầu đầy biến động và rủi ro. Nhìn xa hơn đó là sự sụt giảm của các ngành kinh tế đã tạo nội lực cho sự tăng trưởng của kinh tế Việt Nam thời gian qua. Do vậy, Việt Nam cần xây dựng và phát triển các yếu tố khởi nguồn tăng trưởng mới để thay thế cho những yếu tố cũ. Cần bắt đầu vào việc gia tăng năng suất để bù đắp cho tốc độ tăng trưởng đang giảm sút khi cơ cấu dân số vàng đang suy yếu dần. Để giữ nhịp độ tăng trưởng khoảng 7%/năm, tốc độ tăng năng suất lao động của Việt Nam cần gia tăng 1,5 lần, nghĩa là phải đạt mức 6,4%/năm so với mức 4,1%/năm hiện nay. Nếu không, ước tính quỹ đạo tăng trưởng của Việt Nam sẽ chỉ còn 4,5-5%/năm, thấp hơn nhiều so với tốc độ bình quân 7%/năm trong những năm gần đây và so với mục tiêu tăng trưởng GDP 7-8%/năm cho giai đoạn 2011-2020 đã được đề ra tại Đại hội

Đại hội toàn quốc lần thứ XI. Tăng năng suất của toàn bộ nền kinh tế với tốc độ hơn 6%/năm là thách thức vô cùng lớn, bởi khả năng nâng cao năng suất nhờ tái phân bổ lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ tất yếu sẽ suy giảm theo thời gian. Vì vậy, để đạt được mục tiêu trên, Việt Nam sẽ cần đến sự đóng góp mạnh mẽ hơn nữa của yếu tố tăng trưởng năng suất trong từng ngành kinh tế. Thành công và thất bại của các nền kinh tế khác khi giải bài toán năng suất có thể giúp Việt Nam xác định lộ trình của việc mở rộng nền tảng cho sự tăng trưởng dựa trên năng suất của nền kinh tế.

Một yêu cầu thiết yếu để tiếp tục gia tăng nhanh chóng năng suất lao động là phải đảm bảo duy trì được nguồn vốn đầu tư. Từ năm 2000, mức đầu tư toàn xã hội của Việt Nam đã vượt 30% GDP, thậm chí đạt 40% vào năm 2007. Điều này chứng tỏ khả năng tiếp cận nguồn vốn đầu tư không phải là một trở ngại cho tăng trưởng kinh tế trong thời gian trước mắt, thay vào đó thách thức đặt ra là làm thế nào để đảm bảo nguồn vốn được đầu tư hiệu quả. Nói ngắn gọn, Việt Nam cần giảm đầu tư vào các doanh nghiệp không tạo ra lợi nhuận, kể cả các doanh nghiệp nhà nước, đồng thời cần tăng cường giám sát ngành tài chính để đảm bảo dòng vốn được rót một cách đúng đắn vào những mục đích sử dụng đem lại hiệu quả và lợi nhuận cao nhất.

Bốn giải pháp để giữ nhịp tăng trưởng bền vững

Đảm bảo sự ổn định cho kinh tế vĩ mô và khu vực tài chính



Sản xuất nông nghiệp chỉ đóng góp 20% vào tăng trưởng của GDP

Trong những năm gần đây, các chỉ số kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã bắt đầu cho thấy những dấu hiệu đáng lo ngại, thể hiện ở việc các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế hạ bậc đánh giá tín nhiệm của họ đối với Việt Nam. Thực ra, gốc rễ của nhiều vấn đề mà Việt Nam hiện đang phải đối mặt xuất phát từ chính những hạn chế về năng lực quản trị và tính minh bạch. Do đó, Việt Nam cần đề ra một lộ trình rõ ràng cho việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế (như Basel) giúp cải thiện sự ổn định và khả năng phát triển của ngành tài chính trong giai đoạn trước mắt và lâu dài, đồng thời củng cố lòng tin của nhà đầu tư. Một biện pháp hữu ích mà Việt Nam có thể làm là tiến hành các trắc nghiệm về sức đề kháng của các ngân hàng để nhận diện những ngân hàng đang phải “xoay sở chật vật”, từ đó khu biệt ra khỏi nhóm những ngân hàng đang hoạt động tốt và an toàn.

Củng cố các yếu tố nâng cao năng suất và tạo ra tăng trưởng

Để tạo điều kiện cho sự chuyển dịch sang các ngành kinh tế có năng suất cao hơn, Việt Nam cần thay thế lao động giá rẻ bằng các nguồn có lợi thế so sánh mới. Mặc dù đã thiết lập được cho mình vị thế của một điểm đến đầy hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài, thứ hạng của Việt Nam trong bảng xếp hạng năng lực cạnh tranh quốc tế vẫn thấp hơn các nước có trình độ phát triển tương đương trong khu vực. Trong thời gian vừa qua, Chính phủ đã có nhiều nỗ lực nhằm đơn giản hoá các thủ tục hành chính đã có tác dụng giúp Việt Nam tăng được 10 bậc trong bảng chỉ số xếp hạng của Ngân hàng thế giới về môi trường kinh doanh. Singapore là một trong những chuẩn mực của thế giới về việc liên tục cải thiện năng lực của chính phủ, nhiều quốc gia khác đã học tập nước này bằng cách

áp dụng các phương pháp tiếp cận tương tự. Ví dụ, năm 2006, Ả Rập Xê út đã đưa ra sáng kiến cấp cao 10x10 với mục tiêu đưa quốc gia này trở thành 1 trong 10 nền kinh tế có năng lực cạnh tranh cao nhất thế giới vào năm 2010. Kết quả là, chỉ trong vòng 2 năm đầu tiên kể từ khi đưa ra sáng kiến, nền kinh tế này đã cải thiện được 15 bậc trong bảng xếp hạng của Ngân hàng thế giới về môi trường kinh doanh. Từ đó đến nay, thứ hạng của Ả Rập Xê út liên tục tăng lên và đến năm 2011 đã vươn lên vị trí số 11 trong bảng xếp hạng toàn cầu.

Ngoài ra, nhằm củng cố các yếu tố nâng cao năng suất và tạo ra tăng trưởng, Việt Nam cần tiếp tục tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng theo những ưu tiên chiến lược, phát triển giáo dục và đào tạo, cải thiện tính minh bạch và hiệu quả của lĩnh vực này.

Xây dựng các chính sách phù hợp với đặc thù của từng ngành để khuyến khích nâng cao năng suất và tăng trưởng

Kiến toàn các quy định pháp lý cho toàn bộ nền kinh tế là một điều kiện cần cho sự gia tăng năng suất và tăng trưởng kinh tế, nhưng chưa thể là điều kiện đủ để giữ nhịp tăng trưởng bền vững trên diện rộng mà Việt Nam đã đạt được những năm gần đây. Kinh nghiệm cho thấy, sự khác biệt trong hành động của chính phủ đối với mỗi ngành chính là yếu tố quan trọng lý giải sự khác biệt về kết quả giữa các ngành kinh tế tại các nước khác nhau, với những hình thức khác nhau tùy thuộc vào từng ngành, cụ thể Việt Nam nên tập trung vào các vấn đề như: 1 - Đầu tư có trọng điểm giúp nâng cao chất

lượng và năng suất thủy sản; 2 - Phát triển Việt Nam thành một trung tâm cung cấp dịch vụ thuế ngoài và ngoại biên của thế giới; 3 - Chuyển dịch sang các phân khúc và hoạt động sản xuất có năng suất cao hơn; 4 - Cải thiện cơ chế, chính sách giúp nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Nâng cao vai trò quản lý, điều hành của Chính phủ trong nền kinh tế

Nhiệm vụ chèo lái nền kinh tế theo định hướng tăng trưởng dựa vào năng suất là một nhiệm vụ khó khăn và phức tạp. Trong nền kinh tế toàn cầu với mức độ cạnh tranh ngày càng cao, chính phủ các nước không chỉ cần học cách chạy nước rút đơn giản chỉ là để duy trì được vị trí của mình. Để đáp ứng được các thách thức đặt ra, Chính phủ cần tiếp tục cải cách và điều chỉnh vai trò trong quy trình vận hành của nền kinh tế. Một trong những ví dụ có thể thấy rõ nhất đó là, Chính phủ cần có những cải tổ nhằm tăng hiệu quả đầu tư tại các doanh nghiệp nhà nước. Với tỷ trọng của các doanh nghiệp nhà nước hiện nay, cải cách cơ cấu sở hữu và chính sách quản lý là một công cụ quan trọng để cải thiện năng suất lao động và tăng trưởng kinh tế. Việt Nam đã thành lập Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) từ năm 2005 với chức năng hỗ trợ cải cách các doanh nghiệp nhà nước và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước. SCIC có thể tham khảo cách tổ chức và công cụ quản lý của các công ty quản lý và kinh doanh vốn nhà nước ở các quốc gia khác như Singapore và Malaysia nhằm đưa ra những giải pháp đòn bẩy để cải thiện và sử

dụng hiệu quả vốn nhà nước của các doanh nghiệp.

Ngoài ra, kinh nghiệm của các nước cho thấy, việc thiết lập một tổ công tác chuyên trách của chính phủ có thể là một cách tiếp cận hiệu quả để đảm bảo thành công cho các chương trình đổi mới của chính phủ. Một số nước như Anh, Malaysia đã thiết lập các tổ công tác của chính phủ với chức năng triển khai các nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng. Tại Anh, tổ công tác của chính phủ do Thủ tướng thiết lập, làm việc toàn thời gian, báo cáo trực tiếp lên người đứng đầu chính phủ. Tổ công tác này có quy mô nhỏ gọn để có thể hoạt động linh hoạt, cho phép tuyển dụng một cách sàng lọc, phát huy văn hoá gắn kết và phát triển, đào tạo một nhóm nhân sự tài năng nhằm thực hiện tốt nhất các nhiệm vụ đề ra. Tổ công tác này được coi là một sự cách tân, tuy có một số ý kiến phản đối nhưng được xem là một sáng kiến vô giá và tự nó hết lần này đến lần khác chứng minh được giá trị của mình. Tuy nhiên, không nên coi tổ công tác của chính phủ là giải pháp tối ưu để nâng cao hiệu quả điều hành của chính phủ một cách toàn diện. Tổ công tác của chính phủ sẽ phát huy hiệu quả tốt nhất khi người đứng đầu chính phủ đặt ra cho họ những mục tiêu rõ ràng, có trọng tâm, ràng buộc trách nhiệm của những người đứng đầu ngành trong việc hoàn thành các mục tiêu đề ra ■

NAT (tổng hợp)